

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23-9-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Chí Thanh;

Ông Bùi Văn Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Định – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị A, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp A, xã R, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Võ Thái H, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

(Tại phiên tòa bà A có mặt, ông H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn Nguyễn Thị A: Bà A và ông H sống chung với nhau từ năm 2004 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung thì bà A và ông H có được 01 con chung tên Võ Thị Thái A, sinh ngày 29-6-2007. Bà A và ông H sống chung đến tháng 10-2006 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hòa hợp trong việc quản lý, sử dụng tài sản chung

của vợ chồng, sau đó thì bà A và ông H không sống chung cho đến nay.

Năm 2015, ông H khởi kiện bà A tại Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, cuối cùng bà A và ông H tự thỏa thuận được việc giải quyết việc tranh chấp và hai bên thống nhất tự giải quyết bên ngoài mà không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa nên Tòa án mới đình chỉ giải quyết vụ án bằng quyết định đình chỉ số 70/2016/QĐST-HNGĐ ngày 16-12-2016. Trước đó vào ngày 12-12-2016, bà A và ông H có lập tờ thỏa luận với nội dung chính là bà A đồng ý trả cho ông H số vàng 10 chỉ loại vàng 24Kara 9,8 tuổi, đồng thời ông H phải chuyển quyền sử dụng đất diện tích 70m², loại đất ở tại đô thị, thuộc thửa đất số 4352, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp A, xã R, huyện K, tỉnh Đồng Tháp do hộ ông Võ Thái H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng cho bà A. Lúc đó giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà A còn thể chấp vay tiền của người khác chưa lấy về nên hai bên chưa thực hiện thỏa thuận được ngay, sau khi bà A lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên trên về thì có nhiều lần liên lạc với ông H để thực hiện thỏa thuận nhưng ông H cứ viện đủ lý do để không thực hiện nên đến nay ông H vẫn chưa chuyển quyền sử dụng đất phần đất nêu trên cho bà A.

Ban đầu bà A khởi kiện yêu cầu ông H thực hiện chuyển quyền sử dụng đất cho bà A đối với diện tích đất nền nhà 70m² ở thửa đất số 4352, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp A, xã R, huyện K, tỉnh Đồng Tháp (hiện bà A đang quản lý, sử dụng).

Sau đó bà A khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết thêm những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Võ Thái H.
- Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Thị Thái A, sinh ngày 29-6-2007. Bà A yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bà A xin thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện như sau:

- Về cấp dưỡng nuôi con chung tên Võ Thị Thái A: Bà A xin thay đổi là không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản: Bà A xin rút lại việc yêu cầu ông H thực hiện chuyển quyền sử dụng đất cho bà A đối với diện tích đất nền nhà 70m² ở thửa đất số 4352, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp A, xã R, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

Bà A chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về con chung: Bà A yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Võ Thị Thái A, sinh ngày 29-6-2007, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm non con không ai được cản trở.
- Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo trình bày của bị đơn Võ Thái H: Ông H và bà A sống chung với nhau từ năm 2004 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung thì ông H và bà A có được 01 con chung tên Võ Thị Thái A, sinh ngày 29-6-2007. Ông H và bà A sống chung đến tháng 10-2006 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hòa hợp trong việc quản lý, sử dụng tài sản chung của vợ chồng, sau đó thì ông H và bà A không sống chung cho đến nay.

Ông H thừa nhận có việc thỏa thuận giữa hai bên lập ngày 12-12-2016 như bà A trình bày nhưng việc không thực hiện thỏa thuận không phải là lỗi của ông H mà lỗi là tại bà A vì từ sau khi lập thỏa thuận ngày 12-12-2016 thì bà A không có liên lạc gì với ông H để thực hiện việc chuyển quyền sử dụng đất mà hai bên đã thỏa thuận, bà A cũng chưa trả cho ông H số vàng nào hết.

Trước đây ông H có yêu cầu phản tố trong vụ án yêu cầu bà A trả lại cho ông H những tài sản sau:

- Nền nhà diện tích 70m², thửa số 4352, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại đường Hùng Vương, ấp A, xã R, huyện K, tỉnh Đồng Tháp, do ông H đứng tên quyền sử dụng đất và tự mua trước khi lập gia đình với bà A.

- Số tiền 107.000.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu đồng) do ông H bán đất ao của ông H cho ông Nguyễn Văn X ngụ ấp G, xã B, ông X giao tiền tại nhà ông H, có bà A nhận làm vốn mua bán.

- 10 chỉ vàng 24Kara loại vàng 9,8 tuổi do ông H mượn của mẹ ông H giao cho bà A mượn để làm vốn.

Nhưng tại phiên hòa giải ông H xin rút lại toàn bộ yêu cầu yêu cầu phản tố nêu trên.

Đối với yêu cầu còn lại của bà A thì ông H có ý kiến như sau:

- Về con chung: Ông H đồng ý tự nguyện giao con chung tên Võ Thị Thái A, sinh ngày 29-6-2007 cho bà A được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông H không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Hôn nhân giữa bà A và ông H không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, căn cứ theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình là không công nhận vợ chồng.

Con chung Võ Thị Thái A, sinh ngày 29-6-2007 hiện đang sống chung với bà A và có nguyện vọng sống chung với bà A sau khi ba mẹ ly hôn, bà A

không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con và ông H cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên đã rút các yêu cầu về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên, căn cứ các điều 9, 51, 56, 81, 110 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị:

- Không công nhận vợ chồng giữa bà A và ông H.
- Giao cháu Võ Thị Thái A, sinh ngày 29-6-2007 cho bà A được tiếp tục nuôi dưỡng, ông H không cấp dưỡng nuôi con.

Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vào ngày 18-5-2018, nguyên đơn gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng đối với bị đơn, xét thấy nguyên đơn có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các điều 186, 188, 189, 190 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc khởi kiện của nguyên đơn là “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý giải quyết vào ngày 30-5-2018; Ngày 06-7-2018, Tòa án thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn trả lại các tài sản; Ngày 24-5-2019, Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn là đúng quy định tại các điều 5, 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật của vụ án được xác định lại là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” là phù hợp.

Bị đơn Võ Thái H vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà A và ông H đều thừa nhận chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 đến tháng 10-2006 nhưng không đăng ký kết hôn. Việc bà A và ông H không đăng ký kết hôn được chứng minh bằng các Công văn số 481/PTP ngày 10-9-2019 của Phòng Tư pháp huyện K, Công văn số 170/UBND-HC ngày 30-9-2019 của Ủy ban nhân xã B và Công văn số 111/UBND ngày 27-02-2020 của Ủy ban nhân xã R cung cấp thông tin về việc đăng ký kết hôn của bà A và ông H cho Tòa án, tất cả đều có nội dung là bà A và ông H không có đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân của bà A và ông H là không có giá trị pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Đồng thời khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

Bà A và ông H có đủ điều kiện kết hôn nhưng chỉ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hôn nhân của bà A và ông H không hợp pháp, do đó không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông H là vợ chồng theo quy định tại Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà A và ông H thống nhất trong khoảng thời gian sống chung với nhau như vợ chồng có được 01 con chung tên Võ Thị Thái A, sinh ngày 29-6-2007. Nay bà A và ông H thống nhất giao con chung cho bà A được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu A (hiện cháu A đang sống chung với bà A và nguyện vọng của cháu A là muốn được sống chung với bà A theo lời khai của cháu A tại Tòa án vào ngày 12-8-2020), ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nên công nhận sự thỏa thuận của bà A và ông H.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà A không yêu cầu cấp dưỡng, ông H không tự nguyện cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do bà A và ông H đã rút các yêu cầu về tài sản trong vụ án nên:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A về việc yêu cầu ông Võ Thái H thực hiện chuyển quyền sử dụng đất cho bà A đối với diện tích đất nền nhà 70m² ở thửa đất số 4352, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp A, xã R, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

- Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Võ Thái H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị A trả lại cho ông H những tài sản sau:

+ Nền nhà diện tích 70m², thửa số 4352, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại đường H, ấp A, xã R, huyện K, tỉnh Đồng Tháp, do ông H đứng tên quyền sử dụng đất và tự mua trước khi lập gia đình với bà A.

+ Số tiền 107.000.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu đồng) do ông H bán đất ao của ông H cho ông Nguyễn Văn X ngụ ấp G, xã B, ông X giao tiền tại nhà ông H, có bà A nhận làm vốn mua bán.

+ 10 chỉ vàng 24Kara loại vàng 9,8 tuổi do ông H mượn của mẹ ông H

giao cho bà A mượn để làm vốn.

Bà A và ông H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”, vậy bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo các biên lai thu số: BG/2015/0001863 ngày 28-5-2018, BH/2017/0008076 ngày 24-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, bà Nguyễn Thị A được hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng. Ông Võ Thái H không phải chịu tiền án phí, hoàn trả lại cho ông Võ Thái H 11.140.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: BG/2015/0001922 ngày 06-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà A tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.949.000 đồng, bà A đã chi xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 9, 14, 15, 51, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 5, 28, 35, 39, 144, 147, 217, 218, 227, 228, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị A và ông Võ Thái H là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị A và ông Võ Thái H, bà Nguyễn Thị A được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Võ Thị Thái A, sinh ngày 29-6-2007 (hiện cháu A đang sống chung với bà A và nguyện vọng của cháu A là muốn được sống chung với bà A), ông Võ Thái H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị A không yêu cầu cấp dưỡng, ông Võ Thái H không tự nguyện cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A về việc yêu cầu ông Võ Thái H thực hiện chuyển quyền sử dụng đất cho bà A đối với diện

tích đất nền nhà 70m² ở thửa đất số 4352, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp A, xã R, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

- Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Võ Thái H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị A trả lại cho ông H những tài sản sau:

+ Nền nhà diện tích 70m², thửa số 4352, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại đường H, ấp A, xã R, huyện K, tỉnh Đồng Tháp, do ông H đứng tên quyền sử dụng đất.

+ Số tiền 107.000.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu đồng).

+ 10 chỉ vàng 24Kara loại vàng 9,8 tuổi.

Bà Nguyễn Thị A và ông Võ Thái H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không xem xét giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu số: BG/2015/0001863 ngày 28-5-2018, BH/2017/0008076 ngày 24-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, bà Nguyễn Thị A được hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Ông Võ Thái H không phải chịu tiền án phí, hoàn trả lại cho ông Võ Thái H 11.140.000 đồng (Mười một triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: BG/2015/0001922 ngày 06-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

5. Bà Nguyễn Thị A tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.949.000 đồng (Một triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn đồng), bà A đã chi xong.

6. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 23-9-2020). Riêng bị đơn Võ Thái H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Tựu